

Văn hóa Mượn

trong đời sống văn hóa người bình dân Tây Nam bộ

Th.S Bùi Túy Phượng
Trường THPT Mai Thanh Thế

1. Mượn là gì?

Đại Nam Quốc âm tự vị đưa ra các định nghĩa về từ “mượn” như sau: *Mượn* (n) - (tức Nôm, người viết chú thêm): Tha tạm mà dùng trong một ít lâu.

Việt Nam tự điển, nhóm Lê Văn Đức, Lê Ngọc Trụ xác định *mượn* có các nét nghĩa sau:

- (động từ): Tạm nhờ của người trong một lúc rồi sẽ trả lại sự thỏa thuận cho chủ (không trả tiền)/ Cũng là động từ nhưng nó có nghĩa như *mướn*: phải trả tiền ví dụ:

Sắp tiền mướn kẻ cấy thuê

Cấy xong rồi mới trở về nghỉ ngơi (Ca dao)

- *Mượn*: mang nét nghĩa Cậy, nhờ công kẻ khác trong một hoặc một số việc. *Mượn* nghĩa là: Dựa vào, lấy nhờ.

- *Mượn* còn nét nghĩa nữa là giả dạng. [947; 3]

Theo **Từ điển tiếng Việt** của Viện Ngôn ngữ học do Hoàng Phê (chủ biên), ghi rõ:

Mượn đg (động từ hay động ngữ hoặc tổ hợp tương đương) 1. Lấy của người khác để dùng trong một thời gian rồi sẽ trả lại, với sự đồng ý của người đó; 2. Nhờ làm việc gì; 3. Nhờ làm rồi trả công; mướn; 4. Nhờ, dựa vào, dùng làm phương tiện, làm việc gì; 5. Tiếp nhận cái vốn không phải của mình để dùng.

Như vậy, *mượn* theo từ điển có từ ba đến năm nét nghĩa, nhưng xét cho cùng đều thống nhất. Có điều cần lưu ý khi đi vào đời sống trở thành nét văn hóa của người bình dân thì nét nghĩa này và nét nghĩa kia không phải lúc nào cũng phân biệt rạch ròi.

2. “Mượn” trở thành nét văn hóa trong đời sống người bình dân

Từ trong đời sống thường nhật...

Những năm cuối TK XVII, chúa Nguyễn Phúc Chu sai Thống suất Chưởng cơ Nguyễn Hữu Kính vào kinh lý miền Nam. Đến năm 1779 thì cương vực của phủ Gia Định đã bao trùm toàn vùng Nam Bộ hiện nay. Kể từ thời điểm đó, những người Việt ở miền Trung, miền Bắc đã vào vùng Đồng Nai, Gia Định khai phá đất hoang, sinh cơ lập nghiệp, rồi tiến dần xuống vùng đất Cửu Long. Theo thống kê dân số năm 2009 ở miền Tây Nam Bộ, người Việt (dân tộc Kinh) có 15.884.000 người, chiếm 92,3% dân số toàn vùng, phân bố đều khắp trong tất cả các tỉnh.

Cũng vào những năm cuối TK XVII, Dương Ngạn Địch (?-1688), nguyên là tổng binh của nhà Minh ở thành Long Môn, Quảng Tây, Trung Quốc, sang thần phục chúa Nguyễn, năm 1679 trở thành người có công trong việc phát triển vùng đất Mỹ Tho thuộc Tiền Giang, Việt Nam. Sách Đại Nam thực lục, tiền biên chép: *Nhóm Dương Ngạn Địch đến Mỹ Tho cho dựng nhà cửa, họp người Kinh, người Di, kết thành làng xóm...*

Một nhánh khác do Mạc Cửu vốn là cựu thần nhà Minh, là người huyện Hải Khang, phủ Lôi Châu, tỉnh Quảng Đông, vì không chịu thuần phục nhà Thanh, nên đem cả gia đình, binh sĩ và một số sĩ phu khoảng 400 người lên thuyền rời khỏi Phúc Kiến. Sau nhiều ngày lênh đênh trên biển cả, đoàn Mạc Cửu đổ bộ lên một vùng đất hoang trong vịnh Thái Lan. Sau khi dò hỏi, biết vùng đất này thuộc ảnh hưởng của Chân Lạp, ông xin ở lại lập ấp rải rác

từ Vũng Thơm, Trùng Kê, Cần Vọt, Rạch Giá, Cà Mau, Hà Tiên. Dần dần ông xây dựng vùng này trở thành thương cảng quan trọng, thôn ấp định cư đông đúc nằm sát biển... Sau đó dòng họ Mạc có biểu dâng chúa Nguyễn và được chúa Nguyễn tấn phong cho cai quản vùng đất ấy.

Tộc người Hoa có mặt sinh sống ở vùng đất Cửu Long từ đó.

Theo sử liệu Chân Lạp, từ thế kỷ thứ VI - VII, người Khmer đã tiến tới sông Mê Kông từ phía bắc sông Chao Phraya thông qua thung lũng sông Mun. Người Khmer là tộc người có mặt và cư trú lâu đời nhất tại vùng này. Trải bao thăng trầm của lịch sử, hiện nay, dân tộc Khmer cùng người Việt, Hoa và Chăm, sống xen kẽ với nhau trong vùng. Người Khmer tập trung cư trú chủ yếu ở các vùng Trà Vinh, một phần Vĩnh Long, vùng ven biển Sóc Trăng và vùng biên giới Châu Đốc kéo dài tới tận Rạch Giá.

Theo *Cơ sở văn hóa Việt Nam* của Trần Quốc Vượng (chủ biên), tác giả cho rằng: phần được coi là Tây Nam bộ có diện tích khoảng 4.000 km², chủ yếu là vùng đồng bằng, xen với các vùng trũng như Đồng Tháp Mười ở hai bên sông Tiền, tứ giác Long Xuyên ở phía Tây sông Hậu, là những hồ nước thiên nhiên góp phần điều hòa lưu lượng cho sông Cửu Long vào mùa nước nổi tháng 9, tháng 10. Ngoài khơi là vùng biển nông, có nhiều đảo và quần đảo như Côn Sơn, Thổ Chu, Nam Du, Phú Quốc..., cùng một vài dãy núi thấp ở phía Tây An Giang, Kiên Giang,...

Sống trong điều kiện khó khăn bởi đất hoang, phèn chua, nước mặn, ngày đêm phải lo đối phó với thú dữ, thiên tai, dịch họa,... đã tôi luyện con người Miền Nam này thành người “hành hiệp trượng nghĩa”. Họ sẵn sàng, thậm chí hy sinh tính mạng của mình để làm tròn đạo nghĩa. Với tính khí “ngang tàng”, họ cho rằng: *Kiến ngài bất vi vô dũng dã, Lâm nguy bất cứu mạc anh hùng*.

Người miệt này nói một là một, hai là hai, không thay đổi, tình cảm luôn rõ ràng, dứt khoát, họ cũng không thiếu tính chăm chỉ, làm việc hết mình, chơi thì cũng chơi “tối bến”.

Nguyên do chủ yếu vì họ là những người tứ xứ đến vùng đất mới, không có nhiều người thân thích, vì thế mà họ hiểu và luôn thông cảm cho nhau vì “mọi người đều cùng chung một số phận”, hoạn nạn

họ luôn kề vai sát cánh để vượt qua. Tất nhiên là trong cuộc sống thường nhật, trong những điều kiện sống như vậy, việc mượn chác liên tục diễn ra, và chúng tôi coi nó như một nét văn hóa độc đáo không thể thiếu của cư dân vùng đất Cửu Long giang.

Từ thuở ấu thơ, đám con nít chơi đùa trên sân nhà, ngoài vườn đã biết “mượn”. Chơi bắn đạn keo, trước khi bắn đứa nào nhanh miệng nói “mượn vôi” tức là khi “bắn” đạn đã trượt rồi nhưng chạm mô đất nào đó hay bất cứ thứ gì trên đường “đạn” lăn vôi lại trúng cũng được tính. Luật chơi đã được quy ước rồi, đã “mượn” là tính! Ngược lại bên có đạn bị “bắn” nhanh miệng hơn nó “tử vôi” thì đạn “vôi” lại có trúng cũng không tính!

Khi tối lửa tắt đèn, người ta sang nhà liền kề mượn lửa từ con cúi, hay mượn ống quẹt để đốt đèn. Khi có khách đến nhà, không có gì đãi khách thì sai con sang nhà bên *mượn nồi trà*. Bởi vậy, người ta mới nói *bán anh em mua láng giềng* là như vậy.

Tối đây mượn chén ăn cơm

Mượn ly uống rượu mượn đàn kéo chơi

Từ những chuyện nhỏ là cái chén ăn cơm, cái ly uống rượu đến những chuyện lớn hơn như chuyện của những gia đình đông con, chiều gạo không đủ nấu, họ sai con sang nhà gần đó mượn. Cô bác sẵn lòng giúp. Chén muối, lon gạo, thậm chí năm mười gia lúa,... để cho “hàng xóm” qua cơn đói ngặt.

Con thơ năm sáu đứa

Gạo mượn ăn từng nồi anh thấy không?

Tình cảnh ấy, là hàng xóm ai lại nở khoanh tay. Cho mượn để rồi tới mùa, người mượn sẽ mang qua trả lại.

Nhà hàng xóm có đám tiệc, thì y như là chuyện của cả xóm chung chung lo. Từ bàn ghế đến chén đĩa, đĩa muống thường phải mượn nhờ lẫn nhau,... Đến mùa thì mượn công, dần công để đắp bờ, làm cỏ, nhỏ mạ, cấy cà,.... Khi nông nhàn lợp nhà, dựng vách, kéo ghe, khiêng tủ,... sức người trong nhà làm không nổi thì chạy sang hàng xóm... mượn công. Có qua có lại, chẳng mất đầu mà thiệt, họ giúp nhau một cách vô tư. Người được mượn không hề tính thiệt so hơn, có khi kẹt không qua giúp đỡ còn tự thấy như mình có lỗi nữa là đằng khác. Lắm lúc người được mượn khi làm xong được chủ nhà đãi cho bữa nhậu... *mát trời ông địa!*

... đến những bài học đạo lý

Trong khẩu ngữ thường nhật của những người chân lấm tay bùn ở miệt Cửu Long giang không ai không biết thành ngữ: *cáo mượn oai hùm*. Mỗi người có cách giải thích của riêng mình và tùy theo từng ngữ cảnh sử dụng. Có điều truy tầm căn bản của thành ngữ ấy, chúng tôi thấy trong tác phẩm *Chiến Quốc Sách* có kể lại câu chuyện ngụ ngôn: *Con chồn bị con cọp bắt được. Cọp sắp ăn thịt chồn thì chồn lanh trí nói với cọp: Ta là quân của Trời sai xuống để quản lý các loài dã thú, mi ăn thịt ta là có tội với Trời. Nếu mi không tin thì cứ đi theo ta, sẽ thấy các loài thú đều sợ ta mà chạy tránh hết. Cọp nghe chồn nói có lý, liền thả chồn ra, cho chồn đi trước, cọp đi sau. Quả thật chồn đi tới đâu thì các loài dã thú khác đều hoảng sợ chạy trốn hết. Cọp ngỡ rằng các loài thú sợ oai chồn, chớ đâu biết các thú không sợ chồn mà chỉ sợ cọp. Nét nghĩa chính của thành ngữ này là núp dưới danh nghĩa, uy thế của kẻ mạnh hơn để giương oai, nạt nộ, lừa bịp mọi người. Lâu dần do sự ảnh hưởng và tiếp biến nó thành câu chuyện lưu truyền trong dân gian mà cội nguồn từ đâu cũng ít mấy ai quan tâm.*

Gần với *cáo mượn oai hùm* là thành ngữ *sáo mượn lông công*. Song, nét nghĩa của nó cũng có ít nhiều dị biệt, nó dùng để chỉ sự lừa bịp, giả dối mượn cái đẹp đẽ của người khác để che giấu cái xấu xa của mình:

Khác nào quạ mượn lông công

Ngoài hình xinh đẹp, trong lòng xấu xa.

Ngoài ra chúng ta còn có thể kể đến các thành ngữ có từ *mượn* như: *Nhè sư mà hỏi mượn lược*, nghĩa là mượn quấy, mượn điều mà người khác không có, làm một việc không thực tế, vớ vẩn; *ngẩn ngơ như ốc mượn hồn*: chỉ điệu bộ ngơ ngẩn, dại dột; *mượn gió bẻ măng*: thừa cơ hội làm việc xấu mong đoạt lợi về mình,...

Nhiều trường hợp người ta dùng hình ảnh “mượn” để răn dạy những bài học ứng xử ở đời. Có khi đó chỉ là một câu hát băng quơ:

Mãn mùa, nón cũ rã vành

Mượn tiền người nghĩa mua nón lành đội chơi.

Hay một lời hát ru em:

Chiều chiều mượn ngựa đi chơi

Mượn ba chú lính đưa cô tôi về

Đến chuyện “thương thì thương cả đường đi, ghét nhau ghét cả tông chi họ hàng”:

Thương thì thương hết cả nhà

Ghét thì mượn hết người ta ghét giùm.

Biện pháp tu từ nói quá được sử dụng triệt để để tỏ bày quan niệm của chủ thể phát ngôn.

Hoặc một bài học cho sự chất chiu lo xa khác:

Ngồi không sao chẳng chấp gai,

Để khi có cá mượn chài ai cho.

Rộng lượng nhưng để không để ai lợi dụng, mượn hoài mà thiếu dai không trả, người ta nhắc nhở nhau cần phải để ý những đối tượng đó:

Có tiền mua sắm để coi

Có của cho mượn đi đòi mất công.

Và tất nhiên, “mượn” cũng không thể thiếu được trong tình yêu lứa đôi

Đầu tiên là lời tỏ tình:

Thấy em đi cấy một mình

Anh mới mượn cớ tỏ tình với em

Mượn cớ nghĩa là vin làm lý do không chính đáng. Câu ca diễn tả tâm trạng của một anh chàng đã để ý một cô gái nào đó, khi thấy người mình thương lên đồng cạn nhỏ cỏ, xuống đồng sâu cấy hái anh ta mượn cớ ... để tỏ tình. Ca dao Bắc Bộ có bài ca “xin áo” thể hiện rõ cái việc mượn cớ đáo để ấy:

Áo anh sứt chỉ đường tà

Nay mượn cô ấy về khâu cho cùng...

Nói là mượn khâu áo nhưng kỳ thực là chuyện ngỏ lời làm quen, tỏ tình!

Trở lại với ca dao Tây Nam bộ, chúng ta còn gặp một cách tỏ tình khác cũng là cách “mượn cớ” đầy thú vị.

Đường xa thì thiệt là xa,

Mượn mình làm mối cho ta một nàng,

Một nàng ở đất Mỹ An,

Một nàng vừa đẹp vừa sang như mình.

Chàng mượn cô gái làm mai giùm mình một người nào đó. Nhưng với việc dùng từ *mình* đa nghĩa, điệp từ *một nàng* được nhắc đi nhắc lại, kết hợp với cách biết phát huy tối đa cái khéo của nghệ thuật so sánh đã khiến người ngoài cuộc nhận ra một cách

chắc chắn anh chàng lém lỉnh ấy nói tới ai rồi, nói chi là người trong cuộc không ngộ ra điều mà người nói muốn nói!

Kỷ vật tượng trưng cho tình yêu, cũng vì thế chiếc áo, chiếc khăn, nhẫn cỏ, đóa hoa đại thường không thể thiếu trong lời thơ đầy mật ngọt.

Đi ngang đình cỏi nón, cúi đầu

Nón mua, nón mượn hai đứa mình đội chung.

Vì chuyện nào đó ngoài ý muốn mà hai người yêu nhau phải tạm cách xa, họ cũng “mượn” vật dụng để giữ lấy dư vị của tình yêu:

Em về anh mượn khăn tay

Gói câu tình nghĩa lâu ngày sợ quên.

Nhiều lúc lời đầy đưa kia chỉ là một cách nói bao, nói để tán tỉnh người mình để ý chứ chưa hẳn sự thật đã diễn ra đúng như vậy. Chúng ta hãy nghe người trong cuộc trả lời:

Áo bà ba em bận trong mình

Ai biểu ai mượn mà anh nói anh nhìn anh thương

Ai mượn, ai biểu nghĩa là khéo thày lay, tổ hợp này xuất hiện trong khẩu ngữ Tây Nam bộ dùng để quy lỗi nhẹ nhàng cho người nào đó, trách người ấy đã làm việc lẽ ra không nên làm để xảy ra điều ít nhiều không hay. Cô gái sử dụng lời thơ để đáp lời một anh chàng đã buông lời đầy đưa.

Xa hơn cấp độ tỏ tình là lúc người trong cuộc tương tư. Nghĩ đến nhau, nhớ nhau, không thể thiếu nhau được nữa:

Thiếp với chàng vô can, vô cố,

Mượn lấy chữ tơ tình đêm nhớ ngày thương.

Dù muôn ngàn cách trở thiếp - chàng cũng hướng về nhau:

Có hay chàng ở đâu đây

Thiếp xin mượn cánh chấp bay theo chàng.

Khi tình mặn duyên ưa, trong cảnh nghèo họ vẫn đắm thắm trong hạnh phúc, ân cần quan tâm đến nhau:

Tại em nghe anh đau đầu chuta khá

Em xuống mượn một chiếc xuống đi bẻ lá về xông

Và đây, một lời đối đáp khác có lẽ nó diễn ra khi duyên tình tan vỡ:

Nào khi gánh nặng anh chờ,

Qua trường anh đợi bây giờ nghe ai?

- Qua trường anh đập lấy gai,

Anh ngồi anh lẽ nào ai mượn chờ.

Vẫn là việc dùng cụm từ *ai mượn* nhưng ở đây, cấp độ xem ra đã tăng cấp hơn gấp nhiều lần. Lời trách móc sự không chung thủy, và nguyên nhân của nó cũng được người trong cuộc nêu ra, khá tận tường!

Nguyên nhân của sự dở dang có nhiều, đây là cách lý giải mà người trong cuộc sử dụng từ *mượn*:

Hỡi người quần trắng bảnh bao

Cha mẹ thế nào ăn bận giàu sang

Hay là anh buôn bán ngoài làng

Mượn đầu heo nấu cháo nổi mềnh mềnh dễ coi,...

Nghĩa đen của thành ngữ *mượn đầu heo nấu cháo* thì câu ca đã rõ, còn ẩn ý của nó dùng để chỉ sự giả dối tìm cách lợi dụng, bòn rút một cách tinh vi... hình như cũng đã được vận dụng để ám chỉ những anh chàng ba hoa tốt mã nào đó! Một bài học cảnh giác cho những người chân yếu tay mềm!

Lần xem trong những vần ca dao Tây Nam bộ chúng tôi còn gặp một cách hỏi mượn và từ chối cho mượn độc đáo, như sau:

Của chưa ai thấy cũng thềm,

Em cho chị mượn chồng em vài ngày,

- Chồng em nào phải trâu cày,

Mà cho chị mượn cả ngày lẫn đêm.

Mượn ở đây không phải là mượn những thứ vật chất, hay *mượn cớ*, *mượn lời* như chúng tôi đã đề cập ở trên. Câu ca là lời đối đáp của hai người phụ nữ, một người có chồng, một người chịu cảnh phòng không góa góa, nhưng chắc là giữa họ có mối quan hệ tương giao. Người thứ ba được nói đến là anh chàng đa tình. Người hỏi *mượn* ở thứ bậc cao hơn, hỏi “mượn chồng em” trong “vài ngày”. Người được hỏi *mượn* đã hiểu được dụng ý người *mượn* muốn dùng *chồng* mình vào việc gì rồi, dù điều đó “chị” chưa nói ra. Cụm từ “vài ngày” tưởng đơn giản nhưng hóa ra phức tạp bởi từ ngày này qua ngày khác là đêm. Cho mượn ban ngày để anh ta xách nước, chẻ củi, đốn cây,... cũng cứ cho ổn đi, nhưng đêm đến thì sao? Người đáp lại đã sử dụng hình ảnh *trâu cày* để so sánh. Làm sao mà *chồng em* còn đủ

sức gánh giồng cả ngày lẫn đêm được. Sức người đâu phải sức trâu! Cần chú ý thêm trong khẩu ngữ ở vùng miền sông nước này, “cày” không đơn thuần chỉ động từ trên đồng ruộng mà còn gọi đến hành động ân ái chốn riêng của vợ chồng!

Ước gì em hóa lưỡi cày

Anh hóa thành bắp để ngay bắp vào!

Như vậy đã rõ, người mượn cũng thật hay thật hiểm, mà người trả lời cũng không kém phần sắc sảo!

3. Nét đẹp văn hóa - thay lời kết luận

Tinh thần tương thân tương trợ đã thể hiện rõ qua sức thái từ ngôn từ đến hành động mượn công, mượn của của người bình dân.

Những bài học đạo lý, nhưng cung bậc tình yêu như ghi nhận những hạt ngọc tinh thần của những người chân lấm tay bùn khẩn hoang thời mở cõi.

Tài liệu tham khảo

1. **Huỳnh Tịnh Paulus Của.** *Đại Nam quốc âm tự vị*, Saigon Imprimerie REY, CURIOL & Cie 4, rue d'Adran. 4.1895.
2. **Vũ Dung, Vũ Thúy Anh, Vũ Quang Hào,** *Từ điển Thành ngữ - tục ngữ Việt Nam*, Nxb Văn hóa - thông tin, H. 1999.
3. **Lê Văn Đức,** *Việt Nam tự điển*, Nhà sách Khai Trí, Saigon.1970
4. **Nguyễn Lực - Lương Văn Đang,** *Thành ngữ tiếng Việt*, Nxb Khoa học xã hội, H. 1976.
5. **Hoàng Phê** (chủ biên), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb. Từ điển Bách khoa, H. 2010.

CẤU TRÚC HỘI THOẠI...

(Tiếp theo trang 46)

- **Phát ngôn:** Phát ngôn là đơn vị nhỏ nhất của cấu trúc tĩnh của hội thoại, là một câu cụ thể trong thực tiễn giao tiếp.

Ở cấu trúc tĩnh, ta thấy *ngôn bản hội thoại* được hiện thực hóa bằng *cuộc thoại*, *cuộc thoại* được hiện thực hóa bằng *đoạn thoại*, *đoạn thoại* được hiện thực hóa bằng *cặp thoại*, *cặp thoại* được hiện thực hóa bằng *lượt lời*, *lượt lời* được hiện thực hóa bằng *phát ngôn*. Như vậy, nếu trong cấu trúc động, các đơn vị cấu trúc quan hệ với nhau bằng *quan hệ tương tác*, thì trong cấu trúc tĩnh, các đơn vị cấu trúc quan hệ với nhau bằng *quan hệ hiện thực hóa*.

Trong đó, *ngôn bản hội thoại*, *cuộc thoại*, *đoạn thoại*, *cặp thoại* là những **đơn vị cơ sở** trong cấu trúc hội thoại, còn *lượt lời* và *phát ngôn* là những **đơn vị tạo cơ sở** trong cấu trúc hội thoại. Chúng tôi phân biệt như thế bởi vì hội thoại là giao tiếp hai chiều ở dạng nói, nên đòi hỏi tối thiểu của nó là phải có một cặp thoại, nếu không tạo ra một cặp thoại, ta sẽ không có hội thoại. Vì lẽ đó mà chúng tôi gọi *cặp thoại*, *đoạn thoại*, *cuộc thoại* và *ngôn bản hội thoại* là **đơn vị cơ sở** của hội thoại. Bên cạnh đó, muốn tạo ra một cặp thoại, chúng ta không thể không nhắc đến vai trò của những đơn vị cấp dưới: *lượt lời* và *phát ngôn*. Nếu không có *lượt lời* và *phát ngôn* thì sẽ không có cặp thoại. Chính vì vậy, chúng tôi tạm gọi *lượt lời* và *phát ngôn* là những **đơn vị tạo cơ sở**.

Tài liệu tham khảo

1. Chim Văn Bé - Ngữ pháp học chức năng tiếng Việt - Cú pháp học - Đại học Cần Thơ - 2010.
2. Đỗ Hữu Châu (chủ biên) - *Đại cương ngôn ngữ học - Tập 1* - Nhà xuất bản Giáo Dục - 2001.
3. Đỗ Hữu Châu - *Đại cương ngôn ngữ học* - tập hai - Nhà xuất bản Giáo Dục - 2001.
4. Đỗ Hữu Châu - *Cơ sở ngữ dụng học* - tập một - Nhà xuất bản Đại học Sư phạm - 2003.
5. Nguyễn Đức Dân - *Ngữ dụng học* - tập một - Nhà xuất bản Giáo Dục - 1998.
6. Cao Xuân Hạo - *Tiếng Việt: Mấy vấn đề ngữ âm, ngữ pháp, ngữ nghĩa* - Nhà xuất bản Giáo Dục - 1998.
7. Nguyễn Thị Thu Thủy - *Ngữ dụng học* - Đại học Cần Thơ - 2009.